



Chaire Mondes francophones 2022-2023: Femmes vietnamiennes : Pouvoirs, cultures et identités plurielles

Bùi Trân Phượng

Cours 2, 20 mars 2023

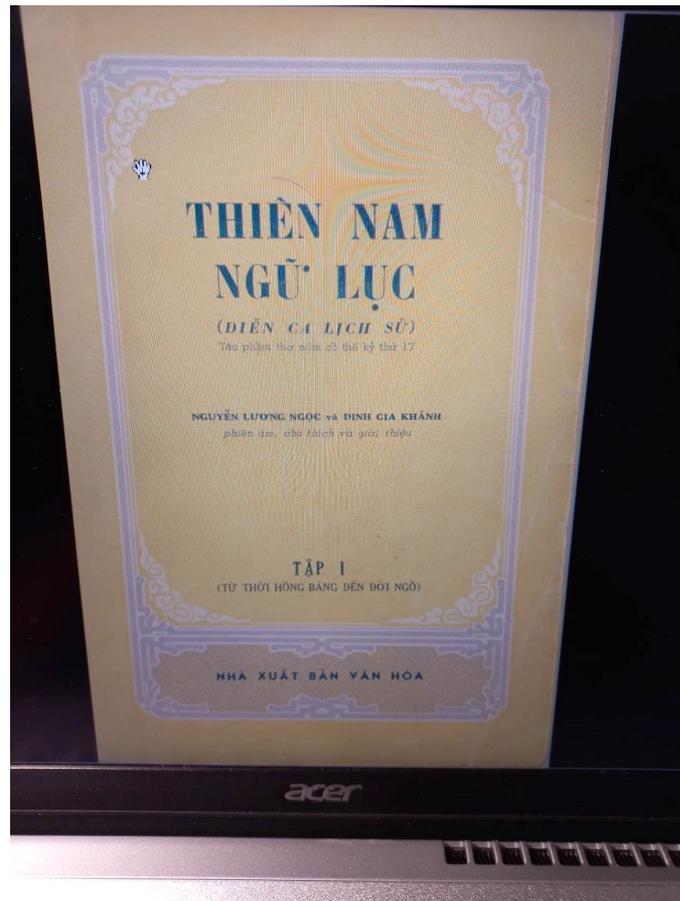
Du pouvoir politique aux contributions culturelles, les femmes vietnamiennes jusqu'au milieu du XIXe siècle

Historiographie

- *Hậu Hán thư* (後漢書, *Annales des Hán postérieurs*), rédigées au V^e siècle: histoire des Hán de l'an 25 à 220
- *Đại Việt Sử ký Toàn thư* (*Livre complet des mémoires du Đại Việt*), rédigé au V^e siècle
- *Thiên nam ngữ lục* (天南語錄, *Recueil de paroles sous le ciel du Sud*), publié 1685-1697
- *Đại Nam quốc sử diễn ca* (大南國史演歌, *Histoire chantée du Grand pays du Sud*), publiée 1870



COLLÈGE
DE FRANCE
— 1530 —



- Trung Trắc
- Trung Nhị
- Trung vương
- Trung nữ vương
- Trứng Chắc (œuf de ver à soie de première qualité)
- Trứng Nhì (œuf de ver à soie de deuxième qualité)
- Roi Trung
- Roi-femme Trung

Thiên nam ngữ lục (Recueil de paroles...)



- *Định rằng: « Người đứn gian tà/Nghe chước đàn bà làm sự bất trung. » (1535-1536)*

(Định dit: « Toi, l'infidèle/Tu écoutes des ruses de femmes pour manquer au devoir de loyauté »)

- *Tôn nàng Trưng giữ chủ binh/Tuy thân là gái vủ danh cháu thần (1623-1624)*

(Les dames Trưng sont reconnues cheffes/Bien que ce soient des femmes, elles étaient descendantes des génies)

- *Trắc Nhị nghe nói than rằng.../Vốn ta ý rắp đã lâu/Được người hào kiệt cùng nhau vẫy vùng (1475... 1479, 1480)*

(Trắc et Nhị s'exclament en entendant cela.../ Depuis longtemps nous avons cette intention /De trouver un héros pour que nous puissions avec lui déployer nos actions)

Thiên nam ngữ lục (Recueil de paroles...)



- *Rằng người Sách lấy hai hầu họ Trưng (1500)*
Que toi, Sách, tu as pris comme femmes les deux Trưng

- *Định binh đến Chu Diên thành/...Tìm lấy Trắc Nhị đem về (1515...-1517)*

(Định emmena ses troupes à la citadelle Chu Diên/... Cherchant à ramener Trắc et Nhị)

- *Tôi người ở chẳng hết lòng/Hai gái má hồng dùng lấy kết duyên/Toan nhau làm sự nghịch thiên (1537-1539)*

(Toi, tu n'es pas loyal/Tu t'es marié à ces deux jeunes filles/Ensemble, vous fomentez la révolte)



- *Phiên lê lỗ lược tìm di hai Kiều/Đôi Trưng tao vốn của yêu/Dầu mi muốn đổi, tao liều bắt tru (1544-1546)*

(Toi, le bandit barbare de l'extérieur, si tu veux t'emparer des deux belles femmes/Les deux Trưng sont mes chéries/Même si tu veux payer en échange, je serai assez téméraire pour te capturer et te tuer)

- *Bảo nàng Trắc Nhị mọi tình cho hay (1560)*

(Il confia à Trắc et Nhị tout ce qu'il pense)

- *Chị em Trưng Trắc kín hơi ra về (1576)*

Trưng Trắc et sa sœur discrètement se retirèrent

- *Ngõ còn Trắc Nhị trong doanh (1591)*

(Tô Định croyait que Trắc et Nhị étaient encore dans la caserne)



Đại Nam quốc sử diễn ca (*Histoire chantée du Grand pays Việt*)

*Les dames Trung sont originaires de Châu
Phong (Phất cờ nương tử thay quyền tướng
quân)*

*Avec la colère contre celui qui était cupide et
cruel, et ne pouvant oublier la haine [parce qu'on
avait tué] leur mari*

*Les deux sœurs ont prêté le lourd serment
D'élever l'étendard des femmes-épouses qui
prennent la place de l'époux-général au
commandement*

Thiên nam ngữ lục (Recueil de paroles...)

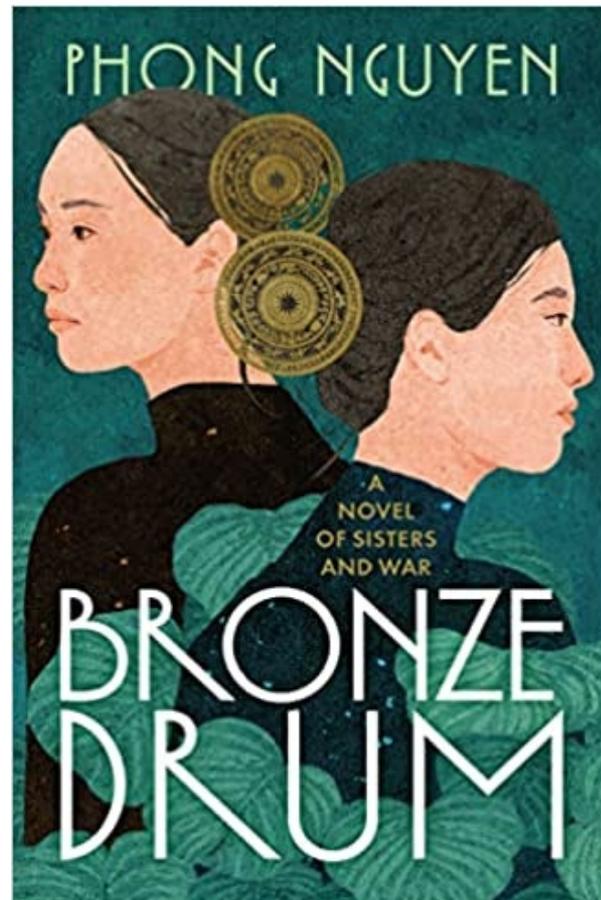


- *Ta thời ở giữ nước ta (Người ta thời ở nước ta)/Người Ngô cho nó về nhà nước Ngô (1731-1732)*

Nous gardons (restons dans) notre pays/ Les Chinois, qu'ils retournent dans leur pays chinois

- *Bao nhiêu sĩ tốt ngày xưa/ Phải Tô Định hiệp bầy chừ được an (1733-1734)*

Tous les soldats qui auparavant/ Ont été forcés par Tô Định (de rejoindre son armée) sont dorénavant en paix



A “gripping historical adventure” of ancient Vietnam based on the true story of two warrior sisters who raised an army of women to overthrow the Han Chinese and rule as kings over a united people

Source: <https://www.amazon.fr/Bronze-Drum-Phong-Nguyen/dp/1538753707>

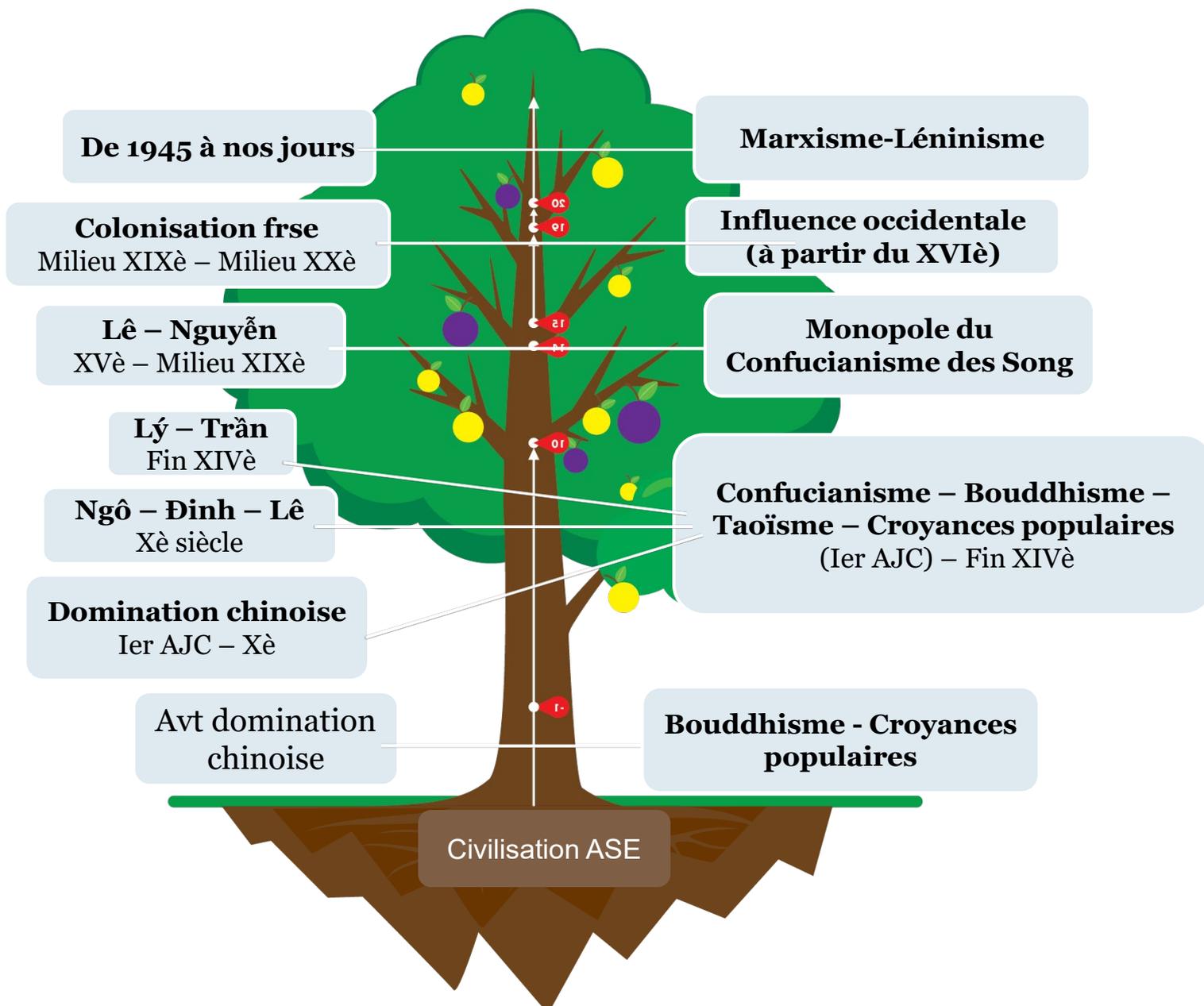
- Bà Triệu! Triệu Thị Trinh
- Chinois: Triệu Ẩu
- Folklore:
 - Nhụy Kiều tướng quân
 - Lê Hải Bà Vương
 - *bà Triệu tướng*
 - *vú dài ba thước, vắt ra sau lưng*
 - *Hoành qua đương hổ dị/Đổi diện Bà vương nan*
- Dame Triệu
- Femme Triệu
- Générale Nhụy Kiều
- Dame-Roi Lê Hải
- Dame-générale
- Seins longs de 1,2m, qu'elle laissait pendre sur les épaules
- **C'est facile de tourner horizontalement sa lance pour faire face à un tigre/Mais c'est difficile de tenir tête à cette Dame-Roi**



Triệu
Thị
Trinh

« Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ngoài biển Đông, đánh đuổi quân Ngô ra ngoài bờ cõi, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người! »

Je préférerais monter sur un ouragan violent, fouler sous mes pas les méchantes vagues, trancher la tête du requin au large de l'Océan de l'Est, balayer les Chinois hors de nos frontières, libérer la population de l'esclavage, plutôt que de courber le dos pour me faire concubine et esclave des autres!





Reines

- Kiểu Quốc, Cồ Quốc de Đinh Tiên Hoàng
- Trịnh Quốc de Lê Đại Hành
- Tá Quốc de Lý Thái Tổ
- *Chữ Quốc trên chỉ có nghĩa là ‘nước’, các bà trên là đại diện của một ‘nước’*
- Ce mot *quốc* ne peut que signifier ‘pays’, ces reines représentaient chacune un ‘pays’
- Dương Tam Kha=Oncle Troisième de la famille Dương
- Đinh Tiên Hoàng : *Đại Thắng Minh Hoàng đế*
- Dương Vân Nga : *Đại Thắng Minh Hoàng hậu*

Ỡ Lan nguyên phi

- *Nguyên phi*: Première femme secondaire
 - *Linh Nhân Hoàng thái hậu*: Reine-Mère
- Commentaires de l'historien officiel Ngô Sĩ Liên du XV^e siècle:
- Immolation des 77 femmes: « *La jalousie est chose fréquente chez les femmes.* »
 - Rachat des servantes : « *La reine-mère changea ainsi leur vie [aux servantes et aux hommes]* »

Dynastie Trần (1226-1400)

Nguyễn Thị Chân Quỳnh , *Lối xưa xe ngựa*
(*Récits d'antan*)

<http://chimviet.free.fr/vanhoc/chquynh/loixua1/loixua08.htm>

« *Cháu cậu mà lấy cháu cô/Thóc giống đầy bồ,
lúa má nhà ta.* (ca dao)

*Le fils de l'oncle qui se marie à la fille de la
tante/Nos granges seront remplies de grains,
tous de notre famille.* (chant folklorique)



Les princesses Trần (1226-1400)

« ne faisaient pas qu'obéir passivement aux ordres, pour espionner l'ennemi comme Ngoạn Thiêm, pour se servir de leur beauté afin de calmer l'adversaire et ramener la paix comme Huyền Trân ou An Tư, ou épouser quelqu'un de la famille pour préserver le trône à la famille Trần ; elles avaient aussi d'autres activités comme créer des fermes, entraîner des troupes et les diriger. Elles ont apporté leur contribution active au développement du pays et à la consolidation du trône des Trần. »

Nguyễn Thị Chân Quỳnh , *Lối xưa xe ngựa (Récits d'antan)*

<http://chimviet.free.fr/vanhoc/chquynh/loixua1/loixua08.htm>



Trịnh Thị Ngọc Trúc (1595-1660)

- Fille du Seigneur Trịnh Tráng et de son épouse principale Nguyễn Thị Ngọc Tú
- Epouse de Lê Trự, mère de 4 enfants
- Remariée à l'empereur Lê Thần Tông (1607-1662)
- *Bà chúa Kim Cương* (Seigneure du Diamant), étude du Sutra du Diamant (kinh Kim Cương)

Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa

***Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, 指南玉音解義**

- > 3000 vers, 40 chapitres
- > 24000 caractères chinois et *nôm*
- sujets géographiques, historiques, astronomiques, anthropologiques
- parties du corps humain, sciences de la nature
- cinquantaine d'espèces d'oiseaux, une centaine d'espèces de poissons, 15 outils de pêche, 40 ustensiles domestiques, 30 espèces de tissus, de soieries et de velours, 20 instruments de musique, 20 objets pour l'écriture, 16 métaux



COLLÈGE
DE FRANCE
— 1530 —



<http://thegioidisan.vn/vi/tuong-hoang-thai-hau-trinh-thi-ngoc-truc.html>,
30/10/2018. Reconnue Trésor national en 2013



Nguyễn Thị Duệ (1590-1670), Hải Dương

- Autres noms: Nguyễn Thị Du, Nguyễn Du, Nguyễn Thị Ngọc Toàn
- « *Nữ nhi dù đặng có thi/Ất là tay thiếp kém gì Trạng nguyên ?* (Si seulement les concours étaient ouverts aux filles/J'aurais été certainement reçue au premier rang) »
- Epouse du roi Mạc Kính Cung
- Epouse du Seigneur Trịnh Tráng
- Centre de formation à distance au district Chí Linh (Hải Dương)
- *ngựa trạm*
- *Lễ sư*: Professeure
- *dải yếm bà Chúa Sao*: le cordon du cache-sein de la Seigneure Etoile
- Tinh Phi: Etoile



<http://thegioidisan.vn/vi/tuong-hoang-thai-hau-trinh-thi-ngoc-truc.html>,
30/10/2018. Reconnue Trésor national en 2013



COLLÈGE
DE FRANCE
— 1530 —



Source: <https://vnexpress.net/nu-trang-nguyen-duy-nhat-trong-su-viet-sang-tao-cach-day-hoc-tu-xa-3875890.html>, 7/2/2019



Nguyễn Thị Duệ (1590-1670), Hải Dương

- Village Kiệt Đặc
- Thành hoàng
- Tinh Phi cổ tháp
- Văn miếu Mao Điền, Hải Dương
- Génie tutélaire
- Ancienne Tour de la Dame Etoile
- Temple de Confucius à Mao Điền, Hải Dương



Đoàn Thị Điểm (1705-1748), Bắc Ninh...

- Nom de plume: *Hồng Hà nữ sĩ* (紅霞)
- Père: Đoàn Doãn Nghi, lettré
- Frère: Đoàn Doãn Luân, licencié
- Fille adoptive du *Thượng thư* (Ministre) Lê Anh Tuấn
- Mariée à 37 ans au docteur Nguyễn Kiều
- Đặng Trần Côn
- *Chinh phụ ngâm khúc* (*Complainte d'une femme de guerrier*)



Complainte d'une femme de guerre

- *Đưa chàng lòng dặc dặc buồn/Bộ không bằng ngựa, thủy không bằng thuyền/Nước có chảy, lòng phiền chẳng rửa/Cỏ có thơm, dạ nhớ khôn khuây/Nhủ rồi tay lại cầm tay/Bước đi một bước, giầy giầy lại dừng. (vers 27-32)*
- *En vous accompagnant j'avais le cœur bien triste./Que ne suis-je, sur terre, votre beau coursier,/Et sur eau que ne suis-je la nef qui vous porte !/ L'onde coulait certes, mais ne diluait ma peine,/ L'herbe embaumait certes, mais n'apaisait mon cœur./ Ponctuant nos serments, nous nous serrions la main,/ Et nous nous arrêtions à chacun de nos pas.*



Complainte d'une femme de guerre

- *Mẹ già phơ phất mái sương/Con thơ mắng sữa, vả đương
phù trì/Lòng lão thân buồn khi tựa cửa/Miệng hài nhi chờ
bữa móm com/Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam/Dạy con đèn
sách thiếp làm phụ thân. (vers 155-160)*

*Vous avez une mère à la tête chenue/Et un poupon au sein,
qui exige des soins/Votre mère est triste, sur le seuil elle
attend./Votre enfant bouche bée réclame sa béquée. /Je la
sers, notre mère, à l'instar d'un bon fils/Et j'enseigne
l'enfant, lui tenant lieu de père.*

- *Nay một thân nuôi già dạy trẻ/Nỗi quan hoài mang mẹ biết
bao! (vers 161-162)*

*Je suis seule à choyer la vieillesse de mère, /Je suis seule à
donner l'instruction au petit. /Mon chagrin intime me pèse
sur le cœur.*



Complainte d'une femme de guerre

- *Những mong cá nước sum vầy/Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời (vers 115-116)*

J'espérais l'union du poisson et des eaux/J'étais loin de croire à notre séparation pareille à celle des nuages et des eaux.

- *Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm/Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông/ Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng/Trước hoa, dưới nguyệt, trong lòng xiết đau. (vers 225-228)*

Les fleurs baignées de lune, la lune s'y reflète/La lune y pénétrant avive chaque fleur/Lune et fleurs, fleurs et lune, elles sont incalculables/Devant leur harmonie, que mon cœur est en peine!



Complainte d'une femme de guerre

- *Oán sầu nhiều nỗi bời bời/Vóc bõ liễu dễ ép nài chiều xuân. (vers 339-340)*

Rancune et désespoir/Me torturent l'esprit de diverses façons./Comment, — frêle saule et souple jonc, — pourrais-je/Demander que le temps épargne ma jeunesse ?

- *Nghĩ nhan sắc đương chùng hoa nở.Tiếc quang âm lẫn lứa gieo qua/Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa/Gái tơ mấy chốc xảy ra nạ giòng (vers 345-348)*

Pensant à ma beauté à peine épanouie/Je regrette les jours qui passent un à un Et dont je ne pourrais interrompre le cours/Quel vilain sort que le mien, et quelle jeunesse !/ Hier encore fillette, bientôt vieille femme!



Complainte d'une femme de guerre

- *Trên trướng gấm thêu hay chằng nhẽ/ Mặt chinh phu ai vẽ cho nên? (vers 81-82)*

Le sait-on, du haut des tentures de brocart ?/Le facies des guerriers, qui saurait bien le peindre ?

- *Hồn tử sĩ gió ù ù thổi/Mặt chinh phu trắng dỗi dỗi soi/Chinh phu tử sĩ mấy người/ Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn? (vers 97-100)*

L'âme des trépassés est ce vent mugissant,/Et cette lune qui luit avec insistance Joue sur le visage des maris combattants./Ô maris combattants ! Ô soldats trépassés !/Combien pouvez-vous être sur le champ d'honneur ?/A-t-on jamais encore dépeint vos visages ?/A-t-on jamais encore évoqué vos mânes ?



Đoàn Thị Điểm (1705-1748), Bắc Ninh

- *Truyện kỳ tân phả (Nouveaux récits étranges)*
- *Vân Cát thần nữ truyện (Récit de la Déesse de Vân Cát)*
- *Liễu Hạnh, Mẫu Liễu*
- *Tứ bất tử (Quatre Immortels)*
- *Tín ngưỡng thờ Mẫu (culte des Déesse-Mères)*
- *Le Récit de la Déesse de Vân Cát : « est en fait une fiction qui reflète les points de vue, les expériences et les aspirations de l'autrice pour une plus grande liberté des femmes » (Olga Dror)*



Hồ Xuân Hương (1773-1822), Nghệ An, Hà Nội

- Hoàng Xuân Hãn, Đỗ Lai Thúy, etc.
- *bà Chúa thơ nôm* (Reine de la poésie en nôm), Xuân Diệu
- Nghiêm Thị Hằng, 2021
- Hồ Phi Mai, fille de Hồ Phi Diễn
- Liaison amoureuse discrète avec Nguyễn Du
- A pris la décision d'être l'épouse secondaire de Tống Cốc puis de se séparer de lui
- Ensuite, épouse secondaire du Phủ Vĩnh Tường Trần Phi Hiến
- Trần Phi Hiến a péri d'une condamnation de la Cour
- Est enterrée à côté de la tombe de son mari

Chữ Nôm (écriture démotique)

Chữ Nôm (écriture démotique) 喃

- a été créée sans doute durant des siècles
- une littérature *nôm* émergea vers le XIII^e siècle sous la dynastie Trần et ne cesse de se développer jusqu'à son apogée aux XVIII^e et XIX^e siècles.

L'écriture *nôm*

- utilise les idéogrammes chinois,
- les décompose et les recompose
- afin de **transcrire le parler vietnamien.**



COLLÈGE
DE FRANCE
1530



Couverture du livre de Nghiêm Thị Hằng, *Décoder le mystère de la poétesse Hồ Xuân Hương*. Source: https://viettimes.vn/giai-ma-bi-an-ho-xuan-huong-ky-2-ngay-thang-nam-sinh-nam-mat-da-ro-rang-post155045.html?utm_source=web_vt&utm_medium=home_tinmoi_vt&utm_campaign=click_tinmoi, 8/3/22



COLLÈGE
DE FRANCE
— 1530 —



L'autrice Nghiêm Thị Hằng à côté de la statue de Hồ Xuân Hương. Source: <https://viettimes.vn/giai-ma-bi-an-ho-xuan-huong-ky-1-nu-si-khong-phai-la-huyen-thoai-post155043.html>, 7/3/22



Poèmes de Hồ Xuân Hương

- *Khấp khểnh đường mây bước lại dừng/Là duyên là nợ phải hay chẳng/Vin hoa khéo kéo lay cành gấm,/Vực nước coi mà động bóng trăng/Lòng nợ chó mà mây lạt lạt/Lời kia hay đã núi giăng giăng. (Bạch Đằng giang tặng biệt)*

*Et je m'avance dans mon bonheur à pas hésitants,
Est-ce un destin merveilleux ou une dette à rendre ?/Jouir de la fleur sans abîmer la branche,/Puiser l'eau sans briser la lune qui s'y mire./Comme ces nuages, tes sentiments ne se disperseront-ils pas ?/Et nos promesses, comme ces montagnes, ne s'évanouiront-elles pas dans le lointain ? (Jouir de la fleur)*



Poèmes de Hồ Xuân Hương

- *Trong trần mây kẻ tinh con mắt/Biết ngọc mà trao mới kể cho*

L'amour sincère est chose si rare

- *Nghẹn ngào ngậy ngất tan hồn Sảnh Nương !*

Eperdue de douleur mon âme voudrait te suivre !

- *Mùi hương trong nệm cả đêm thâu*

Ton parfum dans les draps obsède toutes mes nuits.

- *Bể ái ngàn trùng khôn tát cạn/Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi*

Comment épuiser l'amour des profondeurs de l'être ?/Comment tarir les mille sources des sentiments et des passions ?



Devinettes de Hồ Xuân Hương

- *Trời đất sinh ra đá một chòm/Nứt làm đôi mảnh hỏm
hòm hom/Kẽ hằm rêu mốc trơ toen hoẻn,/Luồng gió
thông reo vỗ phập phòm/Giọt nước hữu tình rơi lồm
bồm,/Con đường vô ngạn tối om om/Khen ai đẽo đá
tài xuyên tạc/Khéo hớ hênh ra lăm kẻ dòm !*

*Ciel et terre ont créé ce rocher,/Fendu en deux, ravin
fuyant,/Vers la bouche béante aux lèvres de
mousse./Du gouffre où siffle le vent/Les pins battent la
mesure,/Les gouttes chantent, perles d'amour,/Et le
sombre sentier disparaît dans le noir./Soit louée Nature
qui te sculpta,/Mais prends garde aux regards
indiscrets... Hang/Grotte Các Cớ*



Linga

- forme cylindrique (*khối trụ*), arrondie ou allongée
- dynamiques (*động*)

Yoni

- plats (*bẹt*), carrés ou ronds
- sous forme de trou, de caverne, de recoin, de fente, de fissure (*lỗ, rãnh, hốc, khe, kẽ nứt*)
- statiques (*tĩnh*)



Devinettes de Hồ Xuân Hương

- *đố thanh giảng tục* (devinette décente dans sa forme mais obscène dans son sens)
- *« Chúa dẫu vua yêu một cái này
Tu es aimé des princes, adoré des rois et pourtant tu
n'es qu'un objet. (Cái quạt/L'éventail)*
- *Thân em vừa trắng lại vừa tròn/Bảy nổi ba chìm với
nước non/Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn/Mà em vẫn giữ
tấm lòng son
De nacre est mon corps, aux courbes arrondies/Tant
de fois happé, roulé, balloté par la vie./Endurci, brisé
par la main qui pétrit,/Reste mon cœur d'amour pétri.
(Bánh trôi nước/ Boulette)*



Poèmes de Hồ Xuân Hương

- *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung / Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng / Cỗ đấm ăn xôi, xôi lại hãm / Cầm bằng làm mướn, mướn không công*

Maudite soit la destinée de partager un mari commun / L'une est au chaud sous la couverture et l'autre dans sa froide solitude / Qui endurait des coups pour une bouchée de riz gluant, mais ce riz s'avère gâté / Qui se faisait servante, mais servante non payée



Hồ Xuân Hương

Vịnh đèn Sầm Nghi Đống

*Ví đây đổi phận làm trai được/Thì sự anh hùng há
bấy nhiêu !*

*Si mon destin changeant je devenais un
homme/Etre un héros alors demanderait peu
d'efforts.*

Nguyễn Minh Thanh (éd.), *Hồ Xuân Hương Poèmes*, JCB
Fabrication, Soyaux, 1995



Hồ Xuân Hương

- *Dans la lutte des femmes au long des siècles, l'œuvre de Hồ Xuân Hương fait figure de phare. Le caractère érotique de ses poèmes ne suffirait pas à retenir notre attention (...). Son génie fut aussi d'oser lutter, **ouvertement**, contre l'orthodoxie confucéenne, les mandarins, la corruption, les lettrés, l'hypocrisie sociale. En un mot, elle s'oppose à **l'ordre établi**. Elle ira même jusqu'à réclamer, pour les femmes, le droit à l'amour libre. La polygamie n'échappe pas à sa critique et elle dit les frustrations de la vie concubine. Elle s'élève contre l'inégalité entre l'homme et la femme et prend la défense des filles mères. (J. RISTAT, « Hồ Xuân Hương est notre contemporaine », *Hồ Xuân Hương Poèmes, op. cit.*)*

Hồ Xuân Hương

- « Là cư dân đô thị, nhà nho tài tử, lại là nữ, Hồ Xuân Hương đã đứng trên đỉnh cao trí tuệ thời đại mình ».

Etant citadine, lettrée romantique (nhà nho tài tử) et en plus femme, Hồ Xuân Hương est à l'apogée de l'esprit de son époque.

- ‘nhà nho tài tử (lettrés romantiques)’: courant de lettrés décrits comme des confucéens blasés qui ne croient plus guère dans la moralité confucéenne et se retranchent dans la description et l'analyse des sentiments personnels, romantiques; qui privilégient le talent au lieu de la moralité
- (Trần Đình Hượu, Trần Quốc Vượng, Đỗ Lai Thúy...)